

III. Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

Request the Immigration Department

1. Giải quyết cho những người có tên ở Mục II được nhập cảnh Việt Nam

một lần ☐ nhiều lần ☐ từ ngày:/...../.....đến ngày...../...../.....

To grant the people listed in Part II permission of a single entry ☐ or multiple entries ☐ into Viet Nam for an intended length of stay from (Day, Month, Year) .../.../..... to .../.../...

2. Mục đích:

Purpose of entry

3. Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:

Intended temporary residential address in Viet Nam

4. Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tại.....nước
để cấp thị thực.

To inform the Vietnamese Diplomatic Mission at..... in (country) to issue Visa.

5. Cho nhận thị thực tại cửa khẩu, tên cửa khẩu:

To grant permission to pick up visa upon arrival at Viet Nam's Border Gate.

Lý do:

Reason (s)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare that all the above information is correct

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....

Done at date (Day, Month, Year)

Xác nhận (6)

Certified by

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)

Signature, full name, title and stamp

Người bảo lãnh

The sponsor

(ký, ghi rõ họ tên)

Signature, full name

Ghi chú/Notes:

(1) Dùng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú/thẻ tạm trú tại Việt Nam mời, bảo lãnh thân nhân nhập cảnh; nộp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

This form is for Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent or Temporary Resident Card to invite, sponsor their foreign family members to apply for a Vietnamese visa. Submit at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Đối với trường hợp người nước ngoài bảo lãnh cho thân nhân nhập cảnh

In cases of foreigners sponsoring family members for entry.

(3) Công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú ghi địa chỉ thường trú; người nước ngoài có thẻ tạm trú ghi địa chỉ tạm trú.

For Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent Resident Card, specify the permanent residential address in Viet Nam; For Temporary Resident Card holders, specify the temporary residential address.

(4) Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2025): “Trên lãnh thổ Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ công nhận quốc tịch Việt Nam đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.”. Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023, năm 2025), công dân Việt Nam có nghĩa vụ: “Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để xuất cảnh, nhập cảnh.”.

According to the provisions of Law on Vietnamese Nationality 2008 (amended and supplemented in 2014 and 2025) “Within the territory of Vietnam, the State of the Socialist Republic of Vietnam only recognizes Vietnamese nationality for Vietnamese citizens who also hold foreign nationality in relation to the competent authorities of Vietnam, except in cases where international treaties to which the Socialist Republic of Vietnam is a party provide otherwise.”. According to the provisions of Law on entry and exit of Vietnamese citizens 2019 (amended and supplemented in 2023 and 2025), Vietnamese citizens have obligations: “Use entry and exit documents issued by competent agencies of Vietnam to make entry and exit.”.

(5) Kèm bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ theo quy định.

Enclose supporting documents to prove family relationship as stipulated by the Law.

(6) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người đó xác nhận các điểm khai tại Mục I. đối với người nước ngoài có thẻ tạm trú.

For the foreigners with Temporary Resident Card, part I is certified by the Head of sponsoring organisation.